

Số: 85/2020/QĐST-HNGĐ

Bắc Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

1. Chị Thân Thị T, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Số nhà 2B, ngõ 366, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Đỗ Tuấn A, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Thôn C, xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Thân Thị T và anh Đỗ Tuấn A kết hôn ngày 20/10/2016 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn hai người chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm. Mặc dù hai người đã cố gắng tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả, nên đã sống ly thân. Do vậy, cả chị Thân Thị T và anh Đỗ Tuấn A đều làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu thuận tình ly hôn, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Thân Thị T và anh Đỗ Tuấn A có một con chung là Đỗ Đăng K, sinh ngày 15/4/2017. Giữa anh chị thỏa thuận sau khi ly hôn chị Thân Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Không có, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Giữa anh chị thống nhất thỏa thuận để chị Thân Thị T chịu cả số tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Thân Thị T và anh Đỗ Tuấn A.

1.1. **Về con chung:** Chị Thân Thị T trực tiếp nuôi cháu Đỗ Đăng K, sinh ngày 15/4/2017. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra.

Anh Đỗ Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp ở với mình theo quy định của pháp luật.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Thân Thị T nhận chịu cả 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2018/0001163 ngày 20/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị T đã nộp xong lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP B;
- VKSNDTP B;
- UBND xã P, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Trần Kiên